

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Mầm non

Khóa: 2025

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			26	304	86		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
Học phần tự chọn			10	135	15		
13	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
14	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
15	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			26	223	122		
16	32331204	Dinh dưỡng trẻ em	3	30	15	32331687	
17	32331687	Sinh lý học trẻ em	3	45	0		
18	32321903	Toán cơ sở	2	15	15		
19	32331001	Văn học trẻ em và nghệ thuật đọc, kể diễn cảm	3	30	15	32224860	
20	32321002	Cơ sở khoa học tự nhiên trong giáo dục mầm non	2	25	5		
21	32224860	Viết ngữ học cơ sở	2	20	10		
22	32234861	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	30	15		
23	32338039	Mĩ thuật mầm non	3	10	35		
24	32338040	Âm nhạc mầm non	3	0	0		
Học phần tự chọn			2	13	17		
25	32224880	Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	2	13	17		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			28	179	331		
26	32238041	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	30	15	32238565	
27	32228045	Đồ chơi và đồ dùng dạy học trong giáo dục mầm non	2	10	20	32338039	
28	32228046	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	20	10	32331687; 32234861	
29	32321253	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	2	24	6		
30	32331003	Đạo đức nghề và khởi nghiệp trong giáo dục mầm non	3	15	30	32238565; 32238041	
31	32331011	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục mầm non	3	24	21		
32	32321023	Tiếng Anh chuyên ngành	2	20	10		
33	32238565	Giáo dục học mầm non	3	30	15	32331687; 32234861; 32331204	
Học phần tự chọn			8	6	204		



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
34	32321006	Tổ chức hoạt động Aerobic ở trường mầm non	2	6	24	32331687; 32234861	
35	32361031	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		
Khối kiến thức: NGHỆP VỤ SƯ PHẠM			69	565	590		
36	32321896	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ ở trường mầm non	2	30	0	32234861; 32331687	
37	32341030	Thực tập sư phạm	4	0	120	32331583; 32331016; 32331608; 32331017;	
38	32321029	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
39	32331018	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	30	15	32331687; 32234861; 32238565	
40	32331017	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	3	30	30	32338040; 32238565; 32331475	
41	32331016	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	3	30	15	32321002; 32234861; 32238565	
42	32331015	Phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc và vệ sinh cho trẻ mầm non	3	30	15	32238565; 32228046; 32331003	
43	32331014	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	15	32234861; 32238565; 32331001	
44	32228033	Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục mầm non	2	20	10	32234861; 32238565	
45	32331608	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	30	15	32338039; 32234861; 32238565	
46	32331583	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	3	30	15	32321903; 32234861; 32238565	
47	32228034	Chuyển đổi số trong giáo dục mầm non	2	15	15	32238565; 32331583; 32331016; 32331608; 32331017;	
48	32228035	Đánh giá sự phát triển của trẻ em	2	15	0	32234861; 32331687; 32238565	
49	32228036	Kỹ năng quản lý nhóm lớp trong giáo dục mầm non	2	15	15	32234861; 32238041; 32238565	
50	32228042	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	15	15	32331687; 32234861; 32238565	
51	32238043	Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3	30	15	32234861; 32238565	
52	32228044	Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non	2	15	15	32238041; 32228035; 32331583; 32331016; 32331608; 32331017;	
53	32331475	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	3	15	30	32338040; 32238565; 32331687	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
54	32331606	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	30	15	32234861; 32238565; 32224860	
Học phần tự chọn			19	155	160		
55	32324089	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	2	15	15	32331018	
56	32331005	Các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến	3	30	15	32234861; 32238041	
57	32321263	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	30	0	32321002; 32331016	
58	32324087	Phát triển tính tích cực nhận thức cho trẻ mầm non	2	15	15	32331583; 32331016	
59	32324085	Phát triển năng lực sáng tạo cho trẻ mầm non	2	15	30	32331608; 32331017; 32331014	
60	32321699	Sử dụng nghệ thuật múa rối ở trường mầm non	2	5	40	32331001; 32331014	
61	32321021	Phát triển khả năng tiên đọc viết cho trẻ mầm non	2	15	15	32224860; 32331606	
62	32321022	Các hướng tiếp cận trong chăm sóc trẻ mầm non	2	15	15	32331687; 32331015; 32228033	
63	32321697	Sử dụng âm nhạc trong giáo dục mầm non	2	15	15		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			149	1271	1129		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			110	962	733		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			20				

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khoá học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỜNG NGÀNH

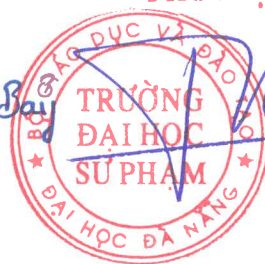

Nguyễn Thị Trâm Tiên

TRƯỜNG KHOA


Võ Thị Bảy

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Mầm non

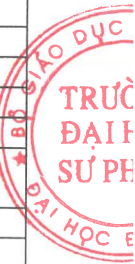
Khóa: 2025

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32224860	Việt ngữ học cơ sở	2	20	10		
	32234861	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	30	15		
	32321903	Toán cơ sở	2	15	15		
	32331687	Sinh lý học trẻ em	3	45	0		
	Số tín chỉ trong kỳ		13	140	55		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	32238565	Giáo dục học mầm non	3	30	15	32331687; 32234861; 32331204	
	32331204	Dinh dưỡng trẻ em	3	30	15	32331687	
	32338039	Mỹ thuật mầm non	3	10	35		
	Học phần tự chọn						
	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
	32321006	Tổ chức hoạt động Aerobic ở trường mầm non	2	6	24	32331687; 32234861	
	Số tín chỉ trong kỳ		16	133	107		
3	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	32238041	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	30	15	32238565	
	32321023	Tiếng Anh chuyên ngành	2	20	10		
	32331001	Văn học trẻ em và nghệ thuật đọc, kể diễn cảm	3	30	15	32224860	
	32338040	Âm nhạc mầm non	3	0	0		
	Học phần tự chọn						
	32224880	Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non	2	13	17		
	Số tín chỉ trong kỳ		16	123	72		
4	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	32228045	Đồ chơi và đồ dùng dạy học trong giáo dục mầm non	2	10	20	32338039	
	32321002	Cơ sở khoa học tự nhiên trong giáo dục mầm non	2	25	5		
	32331011	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục mầm non	3	24	21		
	32331018	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	30	15	32331687; 32234861; 32238565	
	Học phần tự chọn						
	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
	Số tín chỉ trong kỳ		15	156	69		
5	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	32228042	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	15	15	32331687; 32234861; 32238565	
	32331016	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	3	30	15	32321002; 32234861; 32238565	
	Học phần tự chọn						



Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	32324089	Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non	2	15	15	32331018	
	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	13	142	53		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	32228046	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	20	10	32331687; 32234861	
	32331606	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	30	15	32234861; 32238565; 32224860	
	32331608	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	30	15	32338039; 32234861; 32238565	
		Học phần tự chọn					
	32321263	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	30	0	32321002; 32331016	
		Số tín chỉ trong kỳ	12	131	49		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	32331003	Đạo đức nghề và khởi nghiệp trong giáo dục mầm non	3	15	30	21221904	
	32331015	Phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc và vệ sinh cho trẻ mầm non	3	30	15	32238565; 32228046; 32331003	
	32331583	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	3	30	15	32321903; 32234861; 32238565	
		Học phần tự chọn					
	32321021	Phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2	15	15	32224860; 32331606	
	32324085	Phát triển năng lực sáng tạo cho trẻ mầm non	2	15	30	32331608; 32331017; 32331014	
		Số tín chỉ trong kỳ	15	127	113		
8	32238043	Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3	30	15	32234861; 32238565	
	32321896	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ ở trường mầm non	2	30	0	32234861; 32331687	
	32331014	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	15	32234861; 32238565; 32331001	
		Học phần tự chọn					
	32324087	Phát triển tính tích cực nhận thức cho trẻ mầm non	2	15	15	32331583; 32331016	
	32331005	Các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến	3	30	15	32234861; 32238041	
		Số tín chỉ trong kỳ	13	135	60		
9	32228034	Chuyển đổi số trong giáo dục mầm non	2	15	15	32238565; 32331583; 32331016; 32331608; 32331017;...	
	32228035	Đánh giá sự phát triển của trẻ em	2	15	0	32234861; 32331687; 32238565	
	32331017	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	3	30	30	32338040; 32238565; 32331475	
	32331475	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	3	15	30	32338040; 32238565; 32331687	
		Học phần tự chọn					

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	32321022	Các hướng tiếp cận trong chăm sóc trẻ mầm non	2	15	15	32331687; 32331015; 32228033	
	32321699	Sử dụng nghệ thuật múa rối ở trường mầm non	2	5	40	32331001; 32331014	
	Số tín chỉ trong kỳ		14	95	130		
10	32228033	Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục mầm non	2	20	10	32234861; 32238565	
	32228036	Kỹ năng quản lý nhóm lớp trong giáo dục mầm non	2	15	15	32234861; 32238041; 32238565	
	32228044	Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non	2	15	15	32238041; 32228035; 32331583; 32331016; 32331608; 32331017;	
	32321029	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
	32321253	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	2	24	6		
	Học phần tự chọn						
	32321697	Sử dụng âm nhạc trong giáo dục mầm non	2	15	15		
	Số tín chỉ trong kỳ		12	89	121		
	32341030	Thực tập sư phạm	4	0	120	32331583; 32331016; 32331608; 32331017.	
11	Học phần tự chọn						
	32361031	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		
	Số tín chỉ trong kỳ		10	0	300		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là học phần có dấu *.

TRƯỜNG NGÀNH

TRƯỜNG KHOA

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thuần Tiên


Võ Thị Bảy



TS. Phan Đức Tuấn



